**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN PHƯỚC**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày 31-5-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Mai Thanh Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-DS ngày 09-02-2023, về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST - DS ngày 11-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*:

1.1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1972;

1.2. Ông Phan Văn T, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1975 (vắng mặt);

2.2. Bà Đồng Thị A, sinh năm 1972 (có mặt);

2.3. Anh Trần Văn K, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04-01-2023, nguyên đơn là bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T trình bày: Ngày 01-01-2022, ông bà có cho vợ chồng ông Trần Văn B, bà Đồng Thị A và con của ông B, bà A là anh Trần Văn K vay số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* để bổ sung vốn mua bán vật tư nông nghiệp và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, thời gian trả là ngày 31-3-2023. Khi đến hạn trả nợ, ông B, bà A, anh K không trả tiền cho ông bà như đã thoả thuận. Từ đó đến nay, ông bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông B, bà A và anh K trả tiền cho ông bà, nhưng ông B, bà A, anh K không thực hiện. Ông bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông B, bà A, anh K trả cho ông bà số tiền 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 20-3-2023, bị đơn là ông Trần Văn B trình bày: vào ngày 01-01-2022, ông có vay của bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*), số tiền lãi mỗi tháng là 45.000.000 đồng. Sau khi vay, ông có trả lãi cho bà P, ông T được 13 lần với số tiền là 585.000.000 đồng (*năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)*. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần số tiền gốc cho bà P, ông T.

Tại bản tự khai ngày 13-4-2023, bị đơn là bà Đồng Thị A trình bày: Ông B và anh K có vay của bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng),* khi vay tiền bà không biết do không có ai nói với bà, sau đó bà mới biết. Bà có gọi điện cho bà P và nhận trách nhiệm về số nợ mà ông B, anh K vay và bà xin trả dần, nhưng bà P không đồng ý. Nay bà xin đến năm 2024-2025 trả nợ cho bà P, ông T.

Bị đơn là anh Trần Văn K đã được Toà án giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, không có nộp cho Toà án văn bản tình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn là ông Trần Văn B, bà Đồng Thị A, anh Trần Văn K cư trú tại huyện B, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn B, anh Trần Văn K: ông B, anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông B, anh K.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 01-01-2022, vợ chồng bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T có cho ông Trần Văn B, bà Đồng Thị A, anh Trần Văn K vay số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng),* lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả là ngày 31-3-2022. Sau khi vay, ông B, bà A, anh K có trả cho bà P số tiền lãi là 180.000.000 đồng *(một trăm tám mươi triệu đồng),* chưa trả vốn.

[4]. Ông B, bà A trình bày ông bà có trả cho bà P, ông T số tiền lãi là 585.000.000 đồng (*năm trăm tám mươi lăm triệu đồng),* bà P không thừa nhận, ông B vá bà A không có chứng cứ gì chứng minh đã trả cho bà P số tiền lãi là 585.000.000 đồng, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông B, bà A.

[5]. Xét yêu cầu của bà P, ông T yêu cầu ông B, bà A, anh K liên đới trả cho ông bà số tiền vốn gốc là 1.000.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Ông B, bà A đồng ý trả cho bà P, ông T số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng xin trả dần, là kéo dài thời gian, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, ông T, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của ông B, bà A.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà P, ông T được Tòa án chấp nhận, nên ông B, bà A, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban K vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 463, 466, 357 của Bộ luật Dân sự , Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban K vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T.

**1.** Buộc ông Trần Văn B, bà Đồng Thị A, anh Trần Văn K liên đới trả cho bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng)*.

**2.** Về án phí:

- Ông Trần Văn B, bà Đồng Thị A, anh Trần Văn K phải liên đới chịu chịu 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị P, ông Phan Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng *(hai mươi mốt triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003399 ngày 08-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**3.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**4**. Bà P, ông T, bà A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông B, anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự:
+ NĐ: (02);
+ BĐ: (03);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Thanh Liêm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**